



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

**Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 1 năm 2006
ngày 10 tháng 5 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0800296853 ngày 1 tháng 4 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thùy
Ông Nguyễn Quang Quyền
Ông Lê Tuấn Hải
Ông Vũ Xuân Dũng
Ông Nguyễn Xuân Diện

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 21 tháng 10 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Nguyên Đồng

Trưởng ban Kiểm soát
(từ ngày 1 tháng 10 năm 2021)
Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2021 đến ngày
30 tháng 9 năm 2021)

Ông Trần Anh Duy

Trưởng ban Kiểm soát
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2021 đến ngày
30 tháng 9 năm 2021)

Ông Nguyễn Quang Huy

Thành viên (từ ngày 1 tháng 10 năm 2021)
Trưởng ban Kiểm soát
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ông Quách Vĩnh Bình

Thành viên
(từ ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ông Hồ Trung Thành

Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Bà Hồ Trần Diệu Linh

Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Dũng
Ông Nguyễn Hoàng Hải
Ông Nguyễn Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 30 tháng 11 năm 2021)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Vũ Xuân Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Km 28 Quốc lộ 18
Phường Phả Lại
Thành phố Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nữ Xuân Dung
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2022

18
10
P
T
A
1
4
11



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00315-22-1




Trần Thị Lệ Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.489.095.640.555	4.259.412.442.827
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	526.546.317.489	273.399.825.071
Tiền	111		26.546.317.489	23.399.825.071
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	250.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		615.000.000.000	1.515.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	615.000.000.000	1.515.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		796.680.900.597	1.746.070.169.167
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	596.982.947.813	1.516.216.346.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.625.747.058	8.843.685.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	188.166.866.953	223.166.866.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.076.833.407	1.014.765.493
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.171.494.634)	(3.171.494.634)
Hàng tồn kho	140	11(a)	500.636.692.263	696.960.373.839
Hàng tồn kho	141		582.756.079.845	792.156.224.450
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(82.119.387.582)	(95.195.850.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.231.730.206	27.982.074.750
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		839.979.895	641.851.756
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	39.130.728.472	27.340.222.994
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	10.261.021.839	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.959.470.526.214	2.974.291.047.185
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	140.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	-	140.000.000.000
Tài sản cố định	220		336.384.321.074	289.059.153.821
Tài sản cố định hữu hình	221	12	335.595.462.630	288.477.435.371
<i>Nguyên giá</i>	222		13.594.338.447.324	13.482.558.481.796
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(13.258.742.984.694)	(13.194.081.046.425)
Tài sản cố định vô hình	227	13	788.858.444	581.718.450
<i>Nguyên giá</i>	228		58.710.531.632	59.525.806.512
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(57.921.673.188)	(58.944.088.062)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.075.547.779	26.167.124.036
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	31.075.547.779	26.167.124.036
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.501.326.887.550	2.477.244.782.187
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.572.000.000)	(58.654.105.363)
Tài sản dài hạn khác	260		90.683.769.811	41.819.987.141
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	32.615.864.455	17.258.868.161
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	46.098.773.628	242.438.042
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	11.969.131.728	24.318.680.938
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.448.566.166.769	7.233.703.490.012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300	594.317.517.802	749.779.730.224
Nợ ngắn hạn	310	594.317.517.802	749.779.730.224
Phải trả người bán ngắn hạn	311 17	521.722.407.960	514.924.608.335
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	255.057.410	255.057.410
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 18(a)	2.713.893.702	88.235.854.265
Phải trả người lao động	314	32.603.354.518	77.952.975.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.558.296.935	5.688.788.408
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	5.879.512.628	58.108.030.708
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 20	25.584.994.649	4.614.415.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	4.854.248.648.967	6.483.923.759.788
Vốn chủ sở hữu	410 21	4.854.248.648.967	6.483.923.759.788
Vốn cổ phần	411 22	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414	250.236.622.078	241.388.997.987
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418 24	1.201.170.155.697	910.549.826.507
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	216.187.739.296	2.145.330.803.398
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	1.278.509.227.811
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	216.187.739.296	866.821.575.587
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	5.448.566.166.769	7.233.703.490.012

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Vũ Xuân Dũng
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	3.868.169.547.310	7.929.383.128.819
Giá vốn hàng bán	11	27	4.101.719.921.770	6.920.070.149.562
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(233.550.374.460)	1.009.312.979.257
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	452.375.776.029	286.815.236.538
Chi phí tài chính	22	29	(24.082.105.363)	6.632.011.758
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.803.369.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	86.738.774.829	80.938.315.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		156.168.732.103	1.208.557.888.835
Thu nhập khác	31	31	70.102.811.958	3.305.646.486
Chi phí khác	32	32	48.997.176.801	1.215.574.971
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.105.635.157	2.090.071.515
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		177.274.367.260	1.210.647.960.350
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	6.942.963.550	199.854.253.905
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(45.856.335.586)	(242.438.042)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		216.187.739.296	1.011.036.144.487
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	674	3.153

Ngày 30 tháng 3 năm 2022


Người lập:


Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng




Vũ Xuân Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	177.274.367.260	1.210.647.960.350
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	58.579.408.413	37.530.818.328
Các khoản dự phòng	03	(37.506.202.848)	(9.088.694.082)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(452.791.942.909)	(286.815.236.538)
Chi phí lãi vay	06	-	2.803.369.736
Các khoản điều chỉnh khác	07	(65.622.537.750)	-
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(320.066.907.834)	955.078.217.794
Biến động các khoản phải thu	09	851.541.117.966	444.274.337.714
Biến động hàng tồn kho	10	222.097.328.271	(32.582.186.324)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(64.106.090.138)	(209.383.791.738)
Biến động chi phí trả trước	12	(15.555.124.433)	(8.903.284.894)
		673.910.323.832	1.148.483.292.552
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.913.923.714)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(97.729.802.883)	(182.258.099.186)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.558.732.571)	(59.522.573.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	530.621.788.378	903.788.696.010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.990.702.699)	(50.006.587.776)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	416.166.880	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(1.411.000.000.000)	(2.000.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	2.486.000.000.000	1.580.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	493.172.399.316	334.539.627.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.552.597.863.497	(135.466.960.045)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	2.105.766.198.169
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.232.319.848.977)
Tiền trả cổ tức	36	(1.830.073.159.457)	(608.995.858.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.830.073.159.457)	(735.549.509.699)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	253.146.492.418	32.772.226.266
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	273.399.825.071	240.627.598.805
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	526.546.317.489	273.399.825.071

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng

Vũ Xuân Dũng
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

Ngày 26 tháng 1 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 1 năm 2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là PPC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 833 nhân viên (1/1/2021: 854 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 36 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm kế toán đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	3.868.169.547.310	7.929.383.128.819	452.375.776.029	286.815.236.538	4.320.545.323.339	8.216.198.365.357
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(296.207.043.926)	921.742.652.297	452.375.776.029	286.815.236.538	156.168.732.103	1.208.557.888.835
Thu nhập khác					70.102.811.958	3.305.646.486
Chi phí khác					48.997.176.801	1.215.574.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(38.913.372.036)	199.611.815.863
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					216.187.739.296	1.011.036.144.487
					Tổng	Tổng
					31/12/2021	1/1/2021
					VND	VND
Tổng tài sản	2.132.047.028.704	2.825.469.834.023	3.316.519.138.065	4.408.233.655.989	5.448.566.166.769	7.233.703.490.012
Tổng nợ phải trả	589.403.857.848	692.271.682.189	4.913.659.954	57.508.048.035	594.317.517.802	749.779.730.224

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Chi tiêu vốn	47.045.228.481	50.006.587.776	-	-	47.045.228.481	50.006.587.776
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	58.477.281.738	37.605.026.282	-	-	58.477.281.738	37.605.026.282
Khấu hao tài sản cố định vô hình	292.960.006	175.413.992	-	-	292.960.006	175.413.992

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	47.727.163	2.623.485
Tiền gửi ngân hàng	26.498.590.326	23.397.201.586
Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	250.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	526.546.317.489	273.399.825.071

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,0% đến 3,5% (1/1/2021: từ 3% đến 5%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	615.000.000.000	1.515.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 5,5% (1/1/2021: 3,3% đến 7%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	%	% quyền biểu quyết	31/12/2021		Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.441.180.000.000
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)						
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	-	1.398.158.529.000
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	145.848.000.000
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	9.453.083	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	156.921.177.800
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	196.822.831.800
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(34.572.000.000)	11.926.000.000
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa						
				1.084.843.117.400	(34.572.000.000)	1.909.676.538.600
				2.535.898.887.550	(34.572.000.000)	4.350.856.538.600

Handwritten signature or mark in red ink.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2021 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	2.467.150.000.000
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>						
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(7.319.805.363)	809.975.312.037
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(14.584.800.000)	56.215.200.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	9.002.937	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	116.137.887.300
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	165.715.775.050
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(36.749.500.000)	9.748.500.000
				1.084.843.117.400	(58.654.105.363)	1.157.792.674.387
				2.535.898.887.550	(58.654.105.363)	3.624.942.674.387

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	58.654.105.363	54.844.428.571
Trích lập dự phòng trong năm	-	7.319.805.363
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(24.082.105.363)	(3.510.128.571)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	34.572.000.000	58.654.105.363

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	580.979.341.150	1.456.312.782.853
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (i)	3.021.304.520	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và cho vay (ii)	4.945.383.562	20.359.506.849
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	-	32.462.500.000
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế (ii)	7.080.000.000	-
Các khách hàng khác	956.918.581	4.060.251.933
	<hr/>	<hr/>
	596.982.947.813	1.516.216.346.155

- (i) Khoản phải thu này liên quan đến khoản lãi ủy thác đầu tư của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-C-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 được ký kết với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản lãi ủy thác đầu tư này đã được trích lập dự phòng 100% như được trình bày tại Thuyết minh 10.
- (ii) Các khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và cho vay và dự thu cổ tức được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	580.979.341.150	1.456.312.782.853
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	32.462.500.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	7.080.000.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ kỹ thuật DTL	8.081.508.410	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	-	8.843.685.200
Các nhà cung cấp khác	4.544.238.648	-
	12.625.747.058	8.843.685.200

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2021 VND	Biến động trong năm		31/12/2021 VND
		Cho vay VND	Thu hồi VND	
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	223.166.866.953	-	(35.000.000.000)	188.166.866.953

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản cho vay dài hạn	188.166.866.953	363.166.866.953
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(188.166.866.953)	(223.166.866.953)
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	-	140.000.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
• Khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên), công ty mẹ (i)	VND	6,8%	2022	188.166.866.953	188.166.866.953
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (ii)	VND	8,5%	2025	-	175.000.000.000
				188.166.866.953	363.166.866.953

(i) Khoản cho vay này không được đảm bảo. Trong năm 2021, khoản cho vay này được gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(ii) Khoản cho vay này không được đảm bảo. Trong năm 2021, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã thanh toán toàn bộ khoản vay bao gồm khoản chưa đến hạn thanh toán trong năm 2021 với số tiền là 140.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021			1/1/2021				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty TNHH Quản lý								
Quỹ Đầu tư Chứng	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-	>3 năm	3.021.304.520	(3.021.304.520)	-
khoản Bảo Việt	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-	>3 năm	150.190.114	(150.190.114)	-
Phải thu khác								
		3.171.494.634	(3.171.494.634)	-		3.171.494.634	(3.171.494.634)	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.171.494.634	18.199.642.746
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(14.689.372.269)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(338.775.843)
	3.171.494.634	3.171.494.634
Số dư cuối năm	3.171.494.634	3.171.494.634

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật tư và nhiên liệu	580.200.455.068	(80.827.567.164)	789.717.907.976	(93.802.729.794)
Công cụ và dụng cụ	2.537.232.923	(1.291.820.418)	2.403.424.620	(1.393.120.817)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.391.854	-	34.891.854	-
	582.756.079.845	(82.119.387.582)	792.156.224.450	(95.195.850.611)
	582.756.079.845	(82.119.387.582)	792.156.224.450	(95.195.850.611)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	95.195.850.611	95.592.419.555
Trích lập dự phòng trong năm	4.596.013.625	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.698.935.620)	(396.568.944)
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.973.541.034)	-
	82.119.387.582	95.195.850.611
Số dư cuối năm	82.119.387.582	95.195.850.611

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	178.753.117.278	(166.783.985.550)	197.423.841.978	(173.105.161.040)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	173.105.161.040	170.917.590.701
Trích lập dự phòng trong năm	3.239.305.415	2.187.570.339
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.560.480.905)	-
Số dư cuối năm	166.783.985.550	173.105.161.040

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.708.812.563.537	11.586.422.911.069	115.287.052.539	65.912.744.376	6.123.210.275	13.482.558.481.796
Tăng trong năm	-	5.458.380.909	759.000.000	1.290.155.920	-	7.507.536.829
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	30.106.899.418	-	2.358.335.000	-	32.465.234.418
Điều chỉnh khác (*)	-	80.244.812.612	-	-	-	80.244.812.612
Thanh lý	-	(5.358.734.168)	(3.023.079.618)	(55.804.545)	-	(8.437.618.331)
Số dư cuối năm	1.708.812.563.537	11.696.874.269.840	113.022.972.921	69.505.430.751	6.123.210.275	13.594.338.447.324
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.508.731.423.790	11.557.948.448.255	75.149.381.010	49.594.669.173	2.657.124.197	13.194.081.046.425
Khấu hao trong năm	23.220.497.308	21.645.889.484	5.575.000.382	7.157.309.668	878.584.896	58.477.281.738
Điều chỉnh khác (*)	-	14.622.274.862	-	-	-	14.622.274.862
Thanh lý	-	(5.358.734.168)	(3.023.079.618)	(55.804.545)	-	(8.437.618.331)
Số dư cuối năm	1.531.951.921.098	11.588.857.878.433	77.701.301.774	56.696.174.296	3.535.709.093	13.258.742.984.694
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	200.081.139.747	28.474.462.814	40.137.671.529	16.318.075.203	3.466.086.078	288.477.435.371
Số dư cuối năm	176.860.642.439	108.016.391.407	35.321.671.147	12.809.256.455	2.587.501.182	335.595.462.630

(*)

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng tài sản cố định hữu hình từ các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm 2019 và 2020 và đã được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2019 và 2020 theo Kết luận Thanh tra 2021 số 1141/KL-TT- ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Thanh tra tỉnh Hải Dương (Thuyết minh 31).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 12.742 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 12.718 tỷ VND).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	2.110.904.880	59.525.806.512
Tăng trong năm	-	500.100.000	500.100.000
Xóa sổ	-	(1.315.374.880)	(1.315.374.880)
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.295.630.000	58.710.531.632
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	1.529.186.430	58.944.088.062
Khấu hao trong năm	-	292.960.006	292.960.006
Xóa sổ	-	(1.315.374.880)	(1.315.374.880)
Số dư cuối năm	57.414.901.632	506.771.556	57.921.673.188
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	581.718.450	581.718.450
Số dư cuối năm	-	788.858.444	788.858.444

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 57.400 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 58.700 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	26.167.124.036	74.790.690.168
Tăng trong năm	421.259.264.695	374.653.730.547
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	39.037.591.652	22.254.143.004
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	382.221.673.043	352.399.587.543
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(32.465.234.418)	(25.129.716.378)
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(382.221.673.043)	(398.147.580.301)
Giảm khác	(1.663.933.491)	-
Số dư cuối năm	31.075.547.779	26.167.124.036

Số dư xây dựng cơ bản dở dang lớn thể hiện các công trình trong giai đoạn xây dựng như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống quan trắc nước tuần hoàn	3.990.656.379	-
Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	8.259.988.934	7.342.221.570
Số dư cuối năm	31.075.547.779	26.167.124.036

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Vật tư, thiết bị dài hạn xuất dùng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	12.931.312.699	4.327.555.462	17.258.868.161
Tăng trong năm	25.419.853.027	1.875.488.483	27.295.341.510
Phân bổ trong năm	(8.187.212.940)	(3.751.132.276)	(11.938.345.216)
Số dư cuối năm	30.163.952.786	2.451.911.669	32.615.864.455

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</i>			
▪ Lỗ tính thuế mang sang	20%	45.915.491.496	-
▪ Chi phí phải trả và dự phòng	20%	183.282.132	242.438.042
		46.098.773.628	242.438.042

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ tính thuế được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	229.577.457.480

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	121.111.450.099	132.009.361.256
Tổng Công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	150.943.271	97.286.903.327
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	56.538.524.908	72.454.131.372
Viện Nghiên cứu Cơ Khí	53.503.347.957	5.913.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Công nghiệp Hòa chất	46.566.707.165	-
Các nhà cung cấp khác	243.851.434.560	213.168.298.780
	521.722.407.960	514.924.608.335

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Viễn Thông Điện Lực và Công Nghệ Thông Tin		
– Chi nhánh Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	442.026.799	442.026.799
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	1.068.936.257	1.190.000.000
	1.510.963.056	1.632.026.800

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Số đã nộp VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	402.795.440.220	(369.582.821.699)	(48.257.217.077)	15.044.598.556	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.525.817.494	6.942.963.550	-	(97.729.802.883)	10.261.021.839	-
Thuế tài nguyên	7.195.954.545	89.110.162.408	-	(93.912.945.358)	-	2.393.171.595
Tiền thuế đất	-	17.482.644.700	-	(17.482.644.700)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	415.091.039	10.372.371.719	-	(10.466.740.651)	-	320.722.107
Các loại thuế và phí khác	98.991.187	32.881.319.119	-	(32.980.310.306)	-	-
	88.235.854.265	559.584.901.716	(369.582.821.699)	(300.829.660.975)	25.305.620.395	2.713.893.702

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	27.340.222.994	366.328.728.621	(369.582.821.699)	15.044.598.556	39.130.728.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	10.261.021.839	10.261.021.839
	27.340.222.994	366.328.728.621	(369.582.821.699)	25.305.620.395	49.391.750.311

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	4.913.659.954	57.508.048.035
Phải trả khác	965.852.674	599.982.673
	5.879.512.628	58.108.030.708

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.614.415.301	5.260.906.764
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	66.720.145.250	59.125.704.125
Sử dụng trong năm	(45.558.732.571)	(59.522.573.642)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(190.833.331)	(249.621.946)
	25.584.994.649	4.614.415.301

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.262.350.000.000	11.692.500.615	201.540.445.576	(87.388.368.719)	795.808.427.927	1.780.837.936.927	5.964.840.942.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.011.036.144.487	1.011.036.144.487
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	39.848.552.411	-	(39.848.552.411)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	154.589.950.991	(154.589.950.991)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(59.125.704.125)	(59.125.704.125)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(432.827.622.900)	(432.827.622.900)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.262.350.000.000	11.692.500.615	241.388.997.987	(87.388.368.719)	910.549.826.507	2.145.330.803.398	6.483.923.759.788
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	216.187.739.296	216.187.739.296
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	8.847.624.091	-	(10.511.557.582)	-	(1.663.933.491)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	301.131.886.772	(301.131.886.772)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(66.720.145.250)	(66.720.145.250)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(1.777.478.771.376)	(1.777.478.771.376)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.262.350.000.000	11.692.500.615	250.236.622.078	(87.388.368.719)	1.201.170.155.697	216.187.739.296	4.854.248.648.967

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 1.889.693.340.276 VND (tương đương 5.894 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 112.214.568.900 VND (tương đương 350 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: phân phối khoản cổ tức 801.532.635.000 VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 480.919.581.000 VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	910.549.826.507	795.808.427.927
Trích lập trong năm	301.131.886.772	154.589.950.991
Tài sản hình thành từ các quỹ (Thuyết minh 21)	(10.511.557.582)	(39.848.552.411)
Số dư cuối năm	<u>1.201.170.155.697</u>	<u>910.549.826.507</u>

25. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Cam kết thuê chủ yếu đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	24.380.051.060	13.914.778.000
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	55.659.112.000
Sau năm năm	723.274.848.113	426.719.858.667
	<u>845.175.103.413</u>	<u>496.293.748.667</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021	2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	3.856.754.620.207	7.907.780.191.128
▪ Doanh thu bán xỉ và phế liệu	11.414.927.103	21.602.937.691
	<hr/>	<hr/>
	3.868.169.547.310	7.929.383.128.819
	<hr/>	<hr/>

27. Giá vốn hàng bán

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	3.173.341.373.581	5.956.894.996.591
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	382.221.673.043	352.399.587.543
Chi phí nhân công	168.192.085.206	226.615.164.132
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.424.097.485)	1.791.001.395
Chi phí bảo trì	157.941.845.744	167.835.282.784
Chi phí khấu hao và phân bổ	54.716.662.125	33.654.059.187
Chi phí điện mua ngoài	50.318.443.631	43.422.755.286
Chi phí thuế, phí và lệ phí	75.777.860.982	109.891.612.608
Chi phí khác	52.634.074.943	27.565.690.036
	<hr/>	<hr/>
	4.101.719.921.770	6.920.070.149.562
	<hr/>	<hr/>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	70.179.272.329	84.314.054.915
Thu nhập cổ tức	382.196.503.700	202.501.181.623
	<hr/>	<hr/>
	452.375.776.029	286.815.236.538
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	2.803.369.736
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(24.082.105.363)	3.809.676.792
Chi phí tài chính khác	-	18.965.230
	(24.082.105.363)	6.632.011.758

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.364.126.639	29.225.769.580
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(14.689.372.269)
Chi phí vật tư quản lý	2.455.104.579	1.799.927.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.386.548.009	3.469.651.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.998.248.761	10.732.595.318
Chi phí thuế, phí và lệ phí	18.420.683.805	16.974.537.059
Chi phí khác	33.114.063.036	33.425.206.685
	86.738.774.829	80.938.315.202

31. Thu nhập khác

	2021	2020
	VND	VND
Điều chỉnh theo kết luận thanh tra (i)	65.622.537.750	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	416.166.880	-
Thu nhập khác	4.064.107.328	3.305.646.486
	70.102.811.958	3.305.646.486

- (i) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng tài sản cố định hữu hình từ các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm 2019 và 2020 và đã được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2019 và 2020 theo Kết luận Thanh tra số 1141/KL-TTr ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Thanh tra Tỉnh Hải Dương (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí khác

	2021	2020
	VND	VND
Khoản thuế truy thu, phạt thuế và lãi chậm nộp (i)	48.457.729.096	158.343
Chi phí khác	539.447.705	1.215.416.628
	48.997.176.801	1.215.574.971

- (i) Trong năm 2021, Công ty phải nộp khoản thuế truy thu, phạt thuế và lãi chậm nộp theo Kết luận Thanh tra số 1141/KL-TTr ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Thanh tra Tỉnh Hải Dương và Quyết định số 12752/QĐ-CTHĐU ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Cục thuế Tỉnh Hải Dương.

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	3.170.699.392.490	5.954.895.364.462
Chi phí nhân công và nhân viên	189.556.211.845	255.840.933.712
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.304.595.165	37.123.710.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.257.404.354	106.231.029.846
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	382.221.673.043	352.399.587.543
Chi phí thuế, phí và lệ phí	93.010.968.375	126.866.149.667
Chi phí khác	220.408.451.327	167.651.688.752

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	-	199.963.198.088
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	6.942.963.550	(108.944.183)
	6.942.963.550	199.854.253.905
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	59.155.910	(242.438.042)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(45.915.491.496)	-
	(45.856.335.586)	(242.438.042)
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(38.913.372.036)	199.611.815.863

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	177.274.367.260	1.210.647.960.350
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	35.454.873.452	242.129.592.070
Thu nhập không bị tính thuế	(89.563.808.290)	(40.500.236.325)
Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất	(1.493.309.661)	(2.064.058.394)
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.745.908.913	155.462.695
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	6.942.963.550	(108.944.183)
	(38.913.372.036)	199.611.815.863

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	216.187.739.296	1.011.036.144.487
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	216.187.739.296	1.011.036.144.487

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	320.613.054	320.613.054
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	320.613.054	320.613.054

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Thu nhập lãi cho vay	13.107.290.972	18.501.972.223
Thu hồi khoản cho vay	175.000.000.000	35.000.000.000
Mua điện	50.318.443.631	43.422.755.286
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên)		
Thu nhập lãi cho vay	10.144.389.408	12.237.902.610
Chia cổ tức	922.476.671.424	224.629.059.600
Mua dịch vụ	-	194.100.150
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	282.423.750.000	175.297.500.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	3.855.420.671.700	7.906.056.837.843
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	6.786.994.200	5.655.828.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	4.501.468.500	3.969.394.923
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	737.000.000	737.000.000
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.397.263	349.973.269
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		
Cổ tức được chia	14.160.000.000	2.124.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		
Cổ tức được chia	73.587.291.000	14.717.458.200
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.578.416	468.230.044

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ	484.869.635	573.278.164
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh		
Mua dịch vụ	126.560.000	75.183.636
<i>Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</i>		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Thủy	289.431.000	640.277.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	40.896.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	40.896.000	72.000.000
Ông Vũ Xuân Dũng	40.896.000	54.000.000
Ông Nguyễn Xuân Diện	7.838.000	-
Ông Nguyễn Văn Quyên (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 3 năm 2020)	-	18.000.000
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	241.285.000	546.667.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	474.497.000	1.094.833.000
Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		
Tiền lương và thưởng	245.442.000	548.914.000
Thành viên khác của Ban kiểm soát		
Thù lao	81.792.000	120.000.000

37. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	31.054.525.782	-

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Dũng
Phó Tổng Giám đốc

